

Bản án số: 1015/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 9 - 2017

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huân
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 203/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: 1/19/23 Lê Thúc Hoạch, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 224 Bình Long, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà L có mặt, ông Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Trúc L trình bày: Bà và ông Huỳnh Văn Th tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2013 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/4/2013.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khi bà mang thai thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường bất hòa, cãi vã. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn Th.

Về con chung: Bà L khai có 01 con chung tên Huỳnh Khả Y, sinh ngày 23/9/2013, hiện đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường bất hòa, cãi vã, đã ly thân từ năm 2015 đến nay, thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà L xác nhận không còn tình cảm với ông Th. Tòa án đã triệu tập ông Th nhưng ông Th vẫn không đến Tòa để hòa giải, điều đó cho thấy ông Th không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Th đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31/2013 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/4/2013 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Th hiện đang cư trú tại phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn Th: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Th theo quy định tại các Điều 179, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Th vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ và lời trình bày của bà L và kết quả xác minh mâu thuẫn gia đình giữa bà L và ông Th tại địa phương thể hiện mâu thuẫn phát sinh nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường bất hòa, cãi vã. Ông bà đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà L xác nhận không còn tình cảm với ông Th. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Hội đồng xét xử xét thấy bà L yêu cầu ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Th vắng mặt, điều đó thể hiện ông Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Bà L khai có 01 con chung tên Huỳnh Khả Y, sinh ngày 23/9/2013, hiện đang sống với bà L. Ông Th không đến Tòa trình bày ý kiến, yêu cầu do đó không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Y cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Th do bà L không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà L được Tòa án chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Trúc L được ly hôn với ông Huỳnh Văn Th.

Quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Trúc L và ông Huỳnh Văn Th (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2013 do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/4/2013) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao bà L trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Khả Y, sinh ngày 23/9/2013. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Th do bà L không yêu cầu.

+ Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, bà L có quyền yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

+ Vì lợi ích con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng do bà Huỳnh Thị Trúc L chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0009454 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Trúc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, TP. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, TP. HCM;
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang
- Lưu VP, hồ sơ (N. Thúy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Nhung